Biện pháp phát triển năng lực tư duy phản biện trong tạo lập văn bản nghị luận xã hội cho học sinh lớp 10 trung học phổ thông qua tìm ý, lập ý

Cao Kiều Khanh
Trường Trung học phổ thông Quang Hà
Thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên,
tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Email: khanhcaokieu@gmail.com

TÓM TẮT: *Để viết bài văn nghị luận xã hội, sau khi tiến hành nhận diện đề bài, học sinh tiếp tục phải thông qua khâu tìm ý và lập ý. Mục đích của khâu lập ý nhằm giúp học sinh suy nghĩ, nắm bắt được hệ thống ý cần giải quyết của vấn đề. Bài viết đề xuất biện pháp nhằm giúp học sinh trau dồi được những kĩ năng học tập cần thiết: đọc hiểu, phân tích, suy luận, tranh biện, phản hồi, phán đoán, giải quyết vấn đề…*

TỪ KHÓA: **Biện pháp; lập ý; tìm ý; tư duy phản biện; nghị luận xã hội.**
➔ Nhận bài 25/6/2020 ➔ Nhận bài đã chỉnh sửa 20/7/2020 ➔ Duyệt đăng 25/12/2020.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, hướng vào mục tiêu phát triển năng lực (NL) học sinh (HS), trong đó có NL tư duy phản biện (TDPB). Việc phát triển NL TDPB giúp HS có những cảm xúc thẩm mĩ được bộc lộ ra khi tiếp xúc với một tác phẩm văn học hay giúp HS có những cách nhìn, cách đánh giá xã hội một cách đa chiều, đa diện. Để viết bài văn nghị luận xã hội (NLXH), sau khi tiến hành nhận diện đề bài, HS tiếp tục phải thông qua khâu tìm ý và lập ý. Ý là những nội dung cần trình bày trong bài văn. Lập ý chính là quá trình suy nghĩ có ý thức nhằm định ra các nội dung cơ bản của bài viết trước khi được diễn đạt thành bài văn hoàn chỉnh. Các ý này cần được phát hiện, cân nhắc và sắp xếp theo một trình tự logic, tạo nên một hệ thống ý có sự kết nối chặt chẽ, đầy đủ không thừa cũng không thiếu ý.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm về năng lực tư duy phản biện

Nói về NL TDPB, tác giả Nguyễn Thành Thi cho rằng: "NL TDPB là NL nắm bắt, mở ra những chân lí chỉ ra các ngụy biện, ngụy tạo, cảnh báo các ngộ nhận, các nguy cơ hay trường hợp có thể xảy ra. Làm xuất hiện các nhu cầu phản biện, thôi thúc chủ thể nhận thức lại các đối tượng, các vấn đề trong chuyên môn. NL TDPB là NL phát hiện ra những bất cập, bất hợp lí… để có thể nhận thức lại một cách đúng đắn hơn" [1; tr.14].

Khi phát triển được NL TDPB, HS sẽ thu được rất nhiều lợi ích. Nâng cao NL TDPB cho HS là giúp cho các em vượt ra khỏi cách suy nghĩ theo khuôn mẫu, một chiều mà cố gắng hướng tới những điều mới trong khoa học, thoát khỏi lối mòn của tư duy, thôi thúc các em luôn muốn đặt ra những câu hỏi và trả lời theo cách nghĩ riêng của mình. Khi phản bác ý kiến của người khác, các em sẽ biết cách trình bày ý kiến của mình bằng những lập luận mang tính thuyết phục, thái độ ôn hòa, cử chỉ đúng mực, tạo được môi trường tranh biện hào sảng.

Nâng cao NL TDPB cho HS sẽ mang lại cho các em khả năng lập luận, tìm hiểu vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, giúp các em tránh được tình trạng đồng thuận một cách dễ dãi, dễ chấp nhận xuôi chiều trong quá trình tiếp nhận kiến thức khoa học, ngăn chặn được tình trạng học mà không hiểu được cốt lõi của vấn đề để việc tích lũy tri thức của người học đạt hiệu quả cao hơn. Đồng thời, các em sẽ được tôi luyện phương pháp tư duy khoa học, biết suy xét cách giải quyết vấn đề một cách linh hoạt.

Có được NL TDPB còn giúp người học tự tin về khả năng học tập của chính mình. Người học biết mình có những sai lầm, hoặc thiếu sót nào để bổ khuyết, sửa sai một cách kịp thời và định hướng mục tiêu học tập mới. Trong quá trình tranh luận, bản thân HS sẽ hoàn thiện thêm nhiều khả năng như: Tự tin nói trước mọi người; kĩ năng tư duy logic; kĩ năng phản biện vấn đề; kĩ năng đặt câu hỏi đúng, hay; kĩ năng thu hút, lôi cuốn người nghe; kĩ năng trình bày khoa học;… Khơi gợi lên những đam mê học tập và tìm kiếm của HS, bởi các em luôn muốn là người đưa ra những lí lẽ xác đáng và giành được thế chủ động, tự tin trong các cuộc tranh luận.

Khi NL TDPB của HS được phát triển sẽ giúp GV thu được những ý kiến phản hồi hữu ích để thay đổi phương pháp của mình. Thông qua việc phản biện của người học, người dạy sẽ phân loại được đối tượng, có thể lựa chọn và vận dụng được những phương pháp dạy học phù hợp để kích thích sự phản biện của người học, đem lại kết quả cao trong quá trình dạy học và lĩnh hội tri thức.

2.2. Một số biểu hiện đặc trưng của năng lực tư duy phản biện

Một số nghiên cứu về biểu hiện đặc trưng của TDPB. K. B. Beyer (1995) nêu lên các đặc điểm thiết yếu của người có TDPB [2], đó là:

- Không có thành kiến (Biết lắng nghe và chấp nhận ý kiến trái ngược với mình, biết xem xét các quan điểm khác nhau và sẽ thay đổi quan điểm khi suy luận cho thấy phải thay đổi);
- Biết vận dụng các tiêu chuẩn (Cần phải có các điều kiện được thỏa mãn nhất định để một phát biểu trở thành có thể tin cậy được);
- Có khả năng tranh luận (Đưa ra các lí lẽ với các bằng chứng hỗ trợ, biết nhận dạng, đánh giá và xây dựng các lí lẽ);
- Có khả năng suy luận (Có khả năng đúc kết từ một hoặc nhiều chi tiết, để làm được điều này cần phải thấy được mối quan hệ logic giữa các dữ liệu);
- Xem xét vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau (Cần tiếp cận hiện tượng từ nhiều quan điểm khác nhau);
- Áp dụng các thủ thuật tư duy khác nhau như đưa ra phán đoán, thiết lập các giả định, đặt câu hỏi [2]…

Mathew Lipman (2003) đã liệt kê 10 đặc điểm quen thuộc của TDPB [3] là: 1/ Sử dụng các bằng chứng một cách am hiểu, không thiên lệch; 2/ Sắp xếp và diễn giải các ý tưởng một cách ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu; 3/ Phân biệt giữa các suy diễn logic có thể chấp nhận được và không thể chấp nhận được; 4/ Đưa ra phán đoán khi không có đủ các bằng chứng để có thể kết luận; 5/ Nỗ lực để dự kiến các tình huống có thể xảy ra đối với các phương án hành động trước khi quyết định chọn phương án nào; 6/ Vận dụng các kĩ thuật giải quyết vấn đề thích hợp vào các tình huống mới hay lĩnh vực khác; 7/ Lắng nghe các ý tưởng của người khác; 8/ Tìm kiếm các cách tiếp cận khác thường cho các vấn đề phức tạp; 9/ Hiểu những khác biệt trong các kết luận, giả định, giả thuyết; thường xuyên hỏi quan điểm của người khác và nỗ lực để hiểu cả những giả định và hàm ý của họ; 10/ Nhận ra được những sai lầm trong quan điểm của người khác, những thiên lệch có thể trong các quan điểm đó và nguy cơ của việc định giá các bằng chứng một cách sai lệch do ảnh hưởng của các quan tâm cá nhân.

Matthew Lipman (2003) đưa ra 10 đặc điểm đặc biệt hơn của người có TDPB [3], đó là: 1/ Hiểu biết sự khác biệt giữa suy luận và cố gắng suy luận có lí; 2/ Hiểu các ý kiến biểu lộ các mức độ khác nhau của sự tin cậy; 3/ Nhận thức về giá trị và giá cả của thông tin, biết cách tìm kiếm thông tin; 4/ Nhìn thấy và phân biệt được nét khác biệt trong sự tương đồng, không bị nhầm lẫn bởi các dấu hiệu bề ngoài; 5/ Có thể dựng lại cấu trúc không chính thức của vấn đề đã được trình bày trong cách thức mà kĩ thuật chính thức có thể được dùng để giải quyết chúng, hiểu sự khác biệt giữa thắng và thua trong sự tranh cãi và có chân lí; 6/ Nhận thức rằng các vấn đề trong thực tiễn có thể có nhiều hơn một giải pháp và những giải pháp đó khác nhau về một vài phương diện và có thể khó chọn ra giải pháp tốt nhất; 7/ Có khả năng lược bỏ các câu chữ hay lí lẽ ít liên quan; 8/ Nhạy cảm với sự khác nhau giữa sự có thể chấp nhận được và sức mạnh của một niềm tin; 9/ Có thể trình bày lại các quan điểm khác nhau mà không thay đổi cường điệu hay tô vẽ thêm; 10/ Nhận thức rằng, sự hiểu biết của cá nhân luôn luôn là hạn chế cho nên với một thái độ không quan tâm tìm hiểu và học hỏi thì thường xuyên là phải lầm lẫn.

Từ đó, Matthew (2003) cũng đi sâu phân tích để đưa ra một số đặc điểm bản chất của TDPB như sau:

- Sản phẩm của TDPB là các phán đoán, hơn nữa là các phán đoán tốt. Một phán đoán tốt là kết quả của sự xem xét đến tất cả mọi vấn đề liên quan, bao gồm cả chính phán đoán đó. Một phán đoán tốt phải là sản phẩm của một tiến trình tư duy thuần thục về kĩ năng và có sử dụng các thủ thuật và công cụ hỗ trợ thích hợp.
- TDPB là loại tư duy dựa vào tiêu chuẩn. TDPB là loại tư duy tự điều chỉnh. Nghĩa là, việc phát hiện ra những mâu thuẫn, thiếu căn cứ, nhầm lẫn trong tiến trình tư duy của mình và sửa chữa tất cả các lỗi là một mục tiêu của TDPB.
- TDPB thể hiện sự nhạy cảm trước bối cảnh, nghĩa là phải: Nhận thức được các tình huống ngoại lệ hay khác thường; Nhận thức được các giới hạn đặc biệt, các biến cố, các rào cản của suy luận có lí (những thành kiến, định kiến), nhận thức được tính tổng thể và nhạy cảm với những cái đặc biệt và đơn nhất; Nhận thức được các dấu hiệu không điển hình; Nhận thức được rằng, có một số thuật ngữ có thể có sự thay đổi về nghĩa khi chuyển sang bối cảnh khác hay lĩnh vực khác, có một số thuật ngữ không có từ tương đương trong ngôn ngữ khác, hay chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh đặc biệt.

Raymond S. Nickerson (1987) đã xem xét, đánh giá TDPB của một người trên phương diện kiến thức, các năng lực, thái độ và các cách thức theo thói quen [4, tr.409 - 441]. Sau đây là một số đặc trưng ông đưa ra: Sử dụng chứng cứ một cách khéo léo và không thiên lệch; Tổ chức lại các tư tưởng và phát biểu chúng một cách súc tích, gắn kết; Phân biệt các luận suy có hiệu lực và các luận suy không có hiệu lực về mặt logic; Không vội vàng phán đoán khi chưa đủ bằng chứng để đưa ra một quyết định nào đó; Hiểu biết sự khác nhau giữa việc suy luận và hợp lí hóa; Nỗ lực tiên liệu những hệ quả có thể có trước khi đưa ra hành động; Nhìn ra sự giống nhau và tương đồng ẩn sâu trong các vấn đề; Có thể học hỏi một cách độc lập và có một hứng thú lâu bền trong việc thực hiện điều đó; Áp dụng những kĩ thuật giải quyết vấn đề trong những lĩnh vực khác với các lĩnh vực đã được học; Có thể gỡ bỏ những điều không thích hợp của một lập luận bằng lời nói và diễn đạt nó bằng những ngôn từ chính xác hơn; Có thói quen nghi ngờ một cách tích cực về các quan điểm

của chính mình và nỗ lực hiểu cả hai giả định có tính phê phán đối với những quan điểm đó và những ẩn ý của các quan điểm; Nhận thức được sự thật là sự hiểu biết của mình luôn luôn bị giới hạn. Sự giới hạn này thường rõ hơn nhiều đối với người không có thái độ tìm tòi; Nhận ra khả năng sai lầm của chính các ý kiến của mình, nhận ra các tình huống có thể chứa đựng thành kiến trong các ý kiến đó, nhận biết được sự nguy hiểm của việc xem xét các chứng cứ theo ý chủ quan cá nhân. Qua nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một số biểu hiện đặc trưng của TDPB như sau:

- Có thái độ hoài nghi tích cực, không dễ dàng chấp nhận những điều chưa hiểu kĩ hoặc chưa được lí giải thỏa đáng.
- Có cái nhìn đa chiều đối với sự vật hiện tượng, biết xem xét vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau, tiếp cận vấn đề từ nhiều quan điểm khác nhau, nhiều phương diện khác nhau.
- Tôn trọng bằng chứng và lí lẽ, không thừa nhận bất cứ điều gì khi chưa có bằng chứng, có khả năng suy luận, tranh luận để tìm ra những bằng chứng xác thực và những lập luận có căn cứ.
- Nhận ra những khác biệt trong các kết luận, các giả thuyết. Phát hiện những sai lầm, mâu thuẫn, sự thiếu căn cứ, không logic trong tư duy và giải quyết vấn đề. Rút ra được các kết luận hợp lí.
- Có khả năng loại bỏ những thông tin sai lệch, không liên quan. Có khả năng điều chỉnh ý kiến, có thể chấp nhận ý kiến trái ngược với mình, có thể thay đổi quan niệm khi sự suy luận cho thấy cần phải làm như vậy.

TDPB chính là nền tảng của tư duy sáng tạo. Có thể thấy, dù chúng ta tiếp cận vấn đề và định nghĩa theo những hướng khác nhau nhưng vẫn có một điểm chung trong các quan niệm của các nhà khoa học, đó là đưa ra những lập luận, những suy luận để tranh luận và đánh giá, phán đoán dựa trên cơ sở của sự hiểu biết có căn cứ khoa học rõ ràng và chính xác.

Qua một số quan niệm đã tìm hiểu của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, chúng tôi đồng ý với quan niệm của Jenifer Moon [5]: *TDPB là khả năng đánh giá, suy xét vấn đề theo nhiều chiều, nhiều khía cạnh khác nhau một cách logic và sáng tạo".*

2.3. Các nguyên tắc cơ bản của tư duy phản biện

Thứ nhất, cần thu thập đủ thông tin cần thiết cho vấn đề đang được đưa ra bàn luận trong quá trình dạy học. HS cần có thói quen tích lũy và biết huy động vốn kiến thức mà mình đã tiếp thu được từ trong sách vở, thông tin đại chúng… để có thể tường minh vấn đề đang cần tìm hiểu.

Thứ hai, cần hiểu và xác định rõ tất cả các khái niệm có liên quan đến vấn đề đang bàn luận.

*Thứ ba,*TDPB khuyến khích sự hoài nghi.Thái độ hoài nghi không có nghĩa là bác bỏ bừa bãi một ý kiến nào đó như một số người lầm tưởng. Ngược lại, sự hoài nghi sẽ giúp chúng ta hiểu trước khi chấp nhận một ý kiến nào đó cần phải có thời gian để hiểu thêm về ý kiến đó, xem xét các lí lẽ, các giả thuyết và thành kiến đằng sau ý kiến đó bằng một loạt các câu hỏi về nguồn gốc có liên quan mật thiết tới ý kiến đang được đưa ra bàn luận. Dưới đây là một số câu hỏi chúng ta có thể áp dụng trong quá trình phản biện hay tự phản biện: Tại sao lại đưa ra kết luận đó? Dựa vào đâu mà bạn có thể khẳng định điều đó? Bạn lấy thông tin đó từ đâu? Tại sao điều này lại quan trọng? Điều gì có thể giải thích cho hiện tượng này? Cái gì đang vận hành bên trong hiện tượng này? Nếu sự việc này lặp đi lặp lại thì điều gì sẽ xảy ra? Có cách gì để giải quyết vấn đề này? Còn có những phương án nào khác, làm thế nào để tốt hơn nữa? Chúng ta phải thường xuyên rèn luyện kĩ năng TDPB và không quên áp dụng câu hỏi đúng vào đúng lúc, đúng chỗ và đúng tình huống.

Thứ tư, cần phải chú ý đến các giả thiết sẽ được đưa ra cho vấn đề mà HS đang quan sát để tránh tình trạng thiếu sót các luận cứ, luận điểm quan trọng. Việc đặt giả thiết sẽ giúp cho các em có thể nhìn nhận rõ hơn vấn đề. Tuy nhiên, để tránh tình trạng thiếu ý, sót ý thì giáo viên (GV) cần phải có khả năng dự đoán trước tất cả các giả thiết có thể xảy ra đối với vấn đề đang cần tìm hiểu.

Thứ năm, cần xem xét những nguyên nhân và hệ quả khác nhau của vấn đề một cách thận trọng và tỉ mỉ dựa trên tính logic nhất quán chứ không bị chi phối bởi tình cảm hay áp lực từ xã hội. Mỗi vấn đề xảy ra sẽ tạo ra những kết quả khác nhau, có thể là tiêu cực hoặc có thể là tích cực. Vì vậy, chúng ta cần phải quan sát nghiêm túc, đa chiều, phân tích một cách sâu sắc để hiểu đúng bản chất của vấn đề, từ đó đúc kết những điều cốt lõi nhất ra quan điểm và cách nghĩ của bản thân về vấn đề đó.

Cuối cùng, chúng ta cần có niềm tin vào giá trị của những vấn đề và những ý tưởng mà mình trình bày, tìm được một hệ thống các luận chứng thuyết người đọc, người nghe về ý tưởng của mình về vấn đề tình huống phức tạp đang được đưa ra bàn luận. Khi nắm rõ được các nguyên tắc cơ bản trên, HS sẽ dễ dàng vận dụng các kĩ năng TDPB trong quá trình viết bài văn NLXH nói riêng và thực tế đời sống nói chung. Đây là một trong những kĩ năng, NL không thể thiếu đối với một công dân hiện đại của thời đại công nghệ phát triển.

2.4. Biện pháp phát triển năng lực tư duy phản biện trong tìm ý, lập ý bài văn nghị luận xã hội

Một trong những biện pháp phát triển NL TDPB trong tìm ý, lập ý chính là phát triển kĩ năng đặt câu hỏi**.** Biện pháp này nhằm khơi gợi ở HS thái độ hoài nghi tích cực, không dễ thỏa hiệp, chấp nhận những điều chưa hiểu một cách thấu đáo. Hệ thống câu hỏi có tác dụng phát triển TDPB trong tìm ý lập ý sẽ khơi dậy trong HS những ý

tưởng độc đáo khi tiếp cận vấn đề nghị luận. Những dạng câu hỏi được sử dụng trong quá trình tìm ý, lập ý như: Câu hỏi gợi mở, câu hỏi nghi vấn, câu hỏi trao đổ thảo luận, câu hỏi lí giải, câu hỏi đánh giá, câu hỏi mở.

Sử dụng "đặt câu hỏi" để thúc đẩy TDPB của HS là cả một nghệ thuật. GV cần phát triển nghệ thuật "đặt câu hỏi" để giúp HS có cơ hội khám phá vấn đề nghị luận một cách sâu sắc. Điều này cần phải được thực hành thường xuyên, liên tục. Quá trình "đặt câu hỏi" bao gồm hai chức năng: *Thứ nhất,* HS tự đặt câu hỏi khi tìm ý, lập ý để từ đó hệ thống được các ý liên quan đến vấn đề nghị luận, nâng cao khả năng tìm hiểu vấn đề ở cả chiều sâu và chiều rộng; *Thứ hai,* HS đưa ra những câu hỏi cho GV và cho các bạn để ghi nhận những ý kiến của họ, từ đó suy xét, lựa chọn các ý kiến phù hợp cho vấn đề nghị luận. GV luôn tạo điều kiện và khuyến khích HS đặt thật nhiều "câu hỏi học hỏi" khi bản thân gặp trở ngại. Hai chức năng này có tác dụng thúc đẩy tinh tích cực của HS trong quá trình tạo lập văn bản nghị luận xã hội. HS thoát khỏi sự e dè khi giao tiếp với GV và các bạn, chủ động tương tác khi tham gia học tập. Trong quá trình "đặt câu hỏi", chúng ta cần lưu ý những vấn đề sau:

Một số cách thức thúc đẩy HS tham gia trao đổi trong giờ học gồm: Phát biểu lại những gì đã nghe được; Nhắc lại những ý kiến và lí giải của bạn; Tham gia tranh luận để lí giải của mình tương tác với những lí giải của các bạn; Khuyến khích HS tham gia nhiều hơn trong những hoạt động học tập khác; GV nên dành cho HS khoảng thời gian nhất định để trả lời câu hỏi.

Một số hình thức thảo luận có sử dụng đặt câu hỏi: Thảo luận nhóm đôi, nhóm nhỏ (4-6 người), thảo luận trong cả lớp. Những nội dung có thể sử dụng đặt câu hỏi: Vấn đề nghị luận, giải nghĩa từ, tìm ý, lập ý, xây dựng dàn bài…Những kĩ thuật mà GV có thể sử dụng để đặt câu hỏi: tạo sự chú ý, thời gian chờ câu trả lời, câu hỏi dẫn dắt… Bên cạnh hệ thống câu hỏi đặt ra theo dụng ý thì GV có thể thiết kế những câu hỏi nhỏ để dẫn dắt HS giải quyết được vấn đề. Các mức độ câu hỏi có thể nâng dần NL TDPB, chẳng hạn:

Diễn giải: Điều này có nghĩa là gì? Những gì đang xảy ra? Làm thế nào để hiểu rõ điều đó? Làm thế nào để phân loại một cách tốt nhất? Trong bối cảnh này, bằng cách nào để trình bày/ làm được những dự định đó?

Phân tích: Hãy vui lòng cho chúng tôi biết lí do của việc bạn thực hiện? Kết luận của bạn ấy là gì mà em yêu cầu là gì? Tại sao em lại suy nghĩ như vậy? Các nguyên nhân và giả thiết là gì? Để chấp nhận được những giả thiết đưa ra, chúng ta cần phải có những giả thiết nào? Dựa trên những cơ sở nào mà em phát biểu/ như vậy?

Suy luận, phán đoán: Dựa trên những điều đã biết, em hãy rút ra kết luận? Trong những điều chúng ta đã biết, có những gì chúng ta có thể loại trừ? Khi có thêm thông tin, chúng ta cần làm gì để giải quyết vấn đề này? Nếu chúng ta tin vào những điều/ những gì mà mọi người đưa ra, chúng ta sẽ phải giải quyết như thế nào? Hậu quả của việc làm theo những cách đó là gì? Sẽ có những lựa chọn thay thế nào khi chúng ta chưa khám phá ra vấn đề? Hãy xem xét và rà soát từng phương án và xem chúng có khả thi không, phương án nào phải loại bỏ? Chúng ta có cần phải lường trước những hậu quả không mong muốn có thể xảy ra không?

Đánh giá: Làm thế nào để các luận cứ đưa ra trở nên đáng tin cậy? Tại sao chúng ta nghĩ rằng, chúng ta có thể tin tưởng vào những điều mà bạn ấy tuyên bố? Làm thế nào để lập luận này trở nên thuyết phục hơn? Làm thế nào mà chúng ta có thể tin tưởng được vào kết quả mà chúng ta đã đưa ra, còn có những gì mà chúng ta chưa biết/ chưa hoan thiện?

Giải thích: Kết quả của nghiên cứu này/kết quả cuộc điều tra này là gì? Hãy cho chúng tôi biết làm thế nào bạn tiến hành phân tích? Làm thế nào bạn lại có sự diễn giải đó? Xin hãy nói cho chúng tôi nghe lập luận/lí luận của bạn một lần nữa? Tại sao bạn nghĩ rằng đó là câu trả lời đúng/ sai/ phù hợp/ chưa phù hợp/ là giải pháp? Bạn có thể giải thích lí do vì sao quyết định này đã được thực hiện?

Tự điều chỉnh: Phương pháp mà chúng ta đưa ra đã tốt chưa/ tối ưu chưa/cần điều chỉnh gì nữa không? Chúng ta đã thực hiện theo phương pháp này như thế nào? Có cách nào để chúng ta dung hòa được sự mâu thuẫn cho những kết luận được đưa ra? Làm thế nào để giả thiết/ nhận định của chúng ta trở nên tốt hơn không? Tôi cần kiểm tra lại những ý kiến/lập luận/cách trình bày của tôi đưa ra đã thực sự thuyết phục chưa? Điều gì là quyết định khi đưa ra bất kì một kết luận cuối cùng?

Chiến lược đặt câu hỏi thành công là khi GV khiến HS luôn luôn thắc mắc trước vấn đề đặt ra, biết cách đặt các loại câu hỏi khác nhau để tìm hiểu thấu đáo vấn đề, biết cách bình luận khi tiến hành giải quyết vấn đề, biết chấp nhận sai lầm, sửa chữa sai lầm và tiếp thu ý kiến của người khác một cách tích cực trong quá trình kiến tạo kiến thức cho bản thân, biết trình bày cảm nhận của bản thân khi khi đứng trước những rào cản xã hội và biết tự hào, tự tin với cách giải quyết vấn đề của mình mặc dù còn nhiều khiếm khuyết. Khi những yếu tố này được hình thành trong nhân cách HS thì điều này đồng nghĩa với NL TDPB của các em đã phát triển mạnh.

Ví dụ: Tác giả hướng dẫn thực hành thông qua một số đề văn cụ thể:

Anh B và anh C sinh ra trong hai gia đình khác nhau. Cả hai đều có một người bố nghiện ngập. Sau này, anh B trở thành một chàng trai luôn đi đầu trong công tác phòng chống tệ nạn xã hội và bạo lực gia đình. Còn anh B lại là phiên bản của cha anh. Nhà xã hội học đã đặt cùng một cùng câu hỏi: "Điều gì khiến anh lại trở nên như thế?". Và nhà xã hội học đã nhận được cùng một câu trả lời: "Có một người cha như thế nên tôi phải

thế". Anh/chị hãy trình bày sự ảnh hưởng của gia đình đối với mỗi cá nhân?

a. Tìm ý cho đề bài theo định hướng TDPB

Các câu hỏi gợi dẫn định hướng TDPB: Gia đình là gì? Gia đình có vai trò quan trọng như thế nào đối với mỗi cá nhân? Điều gì đang vận hành bên trong mỗi gia đình đã tác động đến cá nhân? Có nên tuyệt đối hóa vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân hay không? Tại sao? Em rút ra được bài học gì cho riêng mình?

b. Lập ý nhằm cụ thể hóa định hướng TDPB (Sơ đồ 1)

** Giải thích ngắn*:

Gia đình là gì? Đó là nơi ta sinh ra, lớn lên, là cái nôi nuôi dưỡng, chở che ta khôn lớn; Đó là cái nôi hạnh phúc của con người từ bao thế hệ…

** Bàn luận:*

- Ảnh hưởng của gia đình đối với nhân cách mỗi cá nhân?

+ Gia đình là hạnh phúc, là sự ấm áp cho mỗi con người.

+ Gia đình là nơi bao bọc, chở che, là nơi trở về của mỗi con người khi mệt mỏi.

+ Gia đình là nơi con người có thể bộc lộ con người thật của mình không cần giấu diếm.

+ Gia đình là nơi nuôi dưỡng nhân cách con người.

+ Một gia đình tốt thường nuôi dưỡng được những người con có nhân cách tốt.

+ Gia đình tốt là gia đình có phương pháp giáo dục tốt. Luôn hướng các thành viên trong gia đình hiểu và thực hành tốt giá trị cốt lõi của con người: Đạo đức - Trí tuệ - Nghị lực.

- Điều gì đang vận hành bên trong mỗi gia đình đã tác động đến nhân cách của mỗi người?

+ Nếu phát triển ba giá trị: Đạo đức - Trí tuệ - Nghị lực thì sẽ sản sinh ra những thế hệ con cháu muôn đời có nhân cách tốt.

+ Nếu nghiêng về phát triển sự tham lam, sân hận và si mê thì sẽ sản sinh ra những thế hệ người có nhân cách tồi tệ.

- Có phải cứ gia đình tốt thì đều sinh ra những người con có nhân cách tốt hay không? Tại sao?

Không phải cứ gia đình tốt là sẽ tạo ra được một con người có nhân cách tốt. Muốn tạo ra nhân cách tốt thì mỗi người phải tự biết trau dồi ba gốc rễ: Đạo đức - Trí tuệ - Nghị lực để phát triển giá trị bản thân một cách bền vững.

- Ta có nên tuyệt đối hóa vai trò của gia đình không?

+ Gia đình là "tế bào của xã hội", giáo dục gia đình là giáo dục quan trọng nhất và ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành nhân cách cho con người. Tuy nhiên, không phải lúc nào con người cũng dựa dẫm hoàn toàn vào gia đình.

+ Gia đình tác động một phần quan trọng lên sự hình thành nhân cách nhưng sự thành công trong cuộc đời mỗi con người phụ thuộc phần lớn vào chính bản thân họ.

** Mở rộng: Bài học nhận thức và hành động*

- Gia đình có vai trò lớn trong việc hình thành nhân cách cho con người.

- Gia đình có sự tác động hai mặt đến mỗi thành viên sống trong đó.

- Muốn phát triển nhân cách, con người phải tự chọn cho mình một lối đi phù hợp cho bản thân.

- Cần chung tay để xây dựng và bảo vệ gia đình, đồng thời lên án thói bạo hành gia đình.

Thông qua việc tìm ý, lập ý chúng ta có thể xây dựng một dàn ý cho bài văn NLXH với đề tài "Sự ảnh hưởng của gia đình đối với mỗi cá nhân" được thể hiện qua Sơ đồ 1 dưới đây:

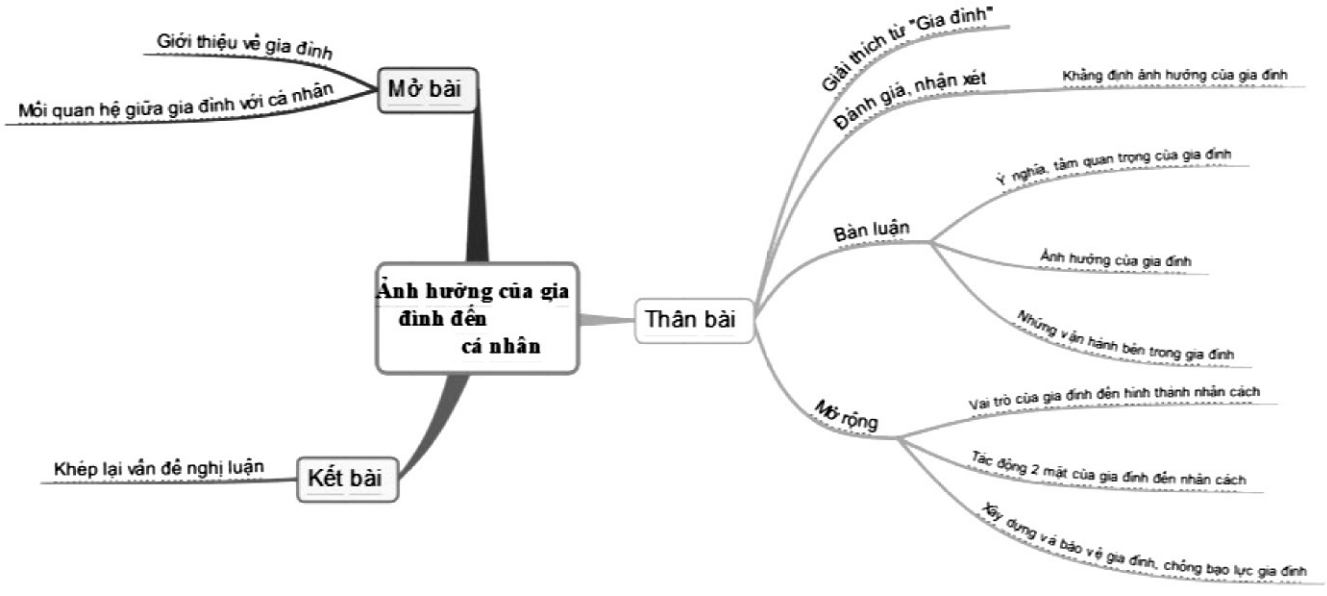

Sơ đồ 1: Dàn ý cho bài văn NLXH đề tài "Sự ảnh hưởng của gia đình đối với mỗi cá nhân

3. Kết luận

Phát triển NL TDPB được diễn ra mọi lúc, mọi nơi, mọi lĩnh vực, đặc biệt là mảng tạo lập văn bản nghị luận xã hội. Khâu tìm ý, lập ý chính là giai đoạn thứ hai trong quá trình tạo lập văn bản nghị luận. Đây cũng là khâu quan trọng và khó nhất. Nó như một bộ khung xương của văn bản. Trong khâu này, chúng ta có thể phát triển NL TDPB cho HS thông qua biện pháp "đặt câu hỏi" có tính phản biện để khai thác tất cả các ý có liên quan đến vấn đề nghị luận; Lựa chọn, sắp xếp các ý đã tìm được theo một trình tự nhất định.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thành Thi, (2013), "*Cần rèn luyện năng lực tư duy phản biện trong học tập cho học sinh, sinh viên*", Tạp chí Khoa học Văn hóa và Du lịch, số 13.

[2] Beyer. K. Barry, (1995), *Critical thinking, Bloomington*, Phi Delta Kappa Educational Foundation.

[3] Matthew Lipman, (2003), *Thinking in Education,* New York: Cambridge Univerrsty Press.

[4] Raymond S. Nickerson, (1987), *Thinking and Problem solving,* Handbook of Perception and Cognition Secand edition.

[5] Jenifer Moon, (2008), *Critical Thinking - An Exploration of Theory and Practive,* Milton Park, Abingdon, Oxon, USA.

[6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2005), *Dự án Phát triển giáo dục trung học phổ thông*, Tài liệu hội thảo tập huấn Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới - Hà Nội.

[7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2006), *Ngữ văn lớp 10, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2006), *Tài liệu Bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10 Trung học phổ thông, môn Ngữ văn,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

[9] Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang, (2011), *Tư duy phản biện - Critical Thingking*, Viện Nghiên cứu Giáo dục, Hồ Chí Minh.

[10] Nguyễn Thúy Hồng, (2014), *Phát triển năng lực tạo lập văn bản nói và viết tiếng Việt cho học sinh phổ thông,* NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[11] Phan Trọng Ngọ, (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường,* NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[12] Trần Thị Thanh Thủy (chủ biên) - Nguyễn Công Khanh - Nguyễn Văn Ninh - Nguyễn Mạnh Hưởng - Bùi Xuân Anh - Lưu Thị Thu Hà, (2016), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh - Quyển 2,* NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

MEASURES FOR DEVELOPING CRITICAL THINKING CAPACITY IN CREATING SOCIAL DISSERTATION TEXT FOR 10TH HIGH SCHOOL STUDENTS THROUGH FINDING IDEAS AND MAKING OUTLINES

Cao Kieu Khanh

Quang Ha High School
Gia Khanh town, Binh Xuyen district,
Vinh Phuc province, Vietnam
Email: khanhcaokieu@gmail.com

ABSTRACT: *In order to write a social dissertation, students must find ideas and make out lines after conducting identification of a topic. The purpose of this stage is to help students think and grasp the system of ideas to solve the problem. The paper proposes measures to help students hone the necessary skills in learning, such as reading comprehension, analysis, reasoning, argument, feedback, judgment, and problem-solving.*

KEYWORDS: Measures; making outline; finding ideas; critical thinking; social dissertation.